

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 140

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở thịt heo củ cải, su su, hành tây, cải ca ron - Uống sữa
Trưa: Cơm trắng - Cá diêu hồng chiên nước mắm - Canh rau đay, mướp nấu cua đồng - Bông cải trắng luộc
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Miến nấu thịt gà - Nhóm 2: Cháo thịt gà bí ngòi, nấm kim châm

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,700	6,280	106,760
2	N0966	Muối lot	900	740	6,660
3	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,180	75,240
4	0004	Gạo tẻ máy	7,600	2,560	194,560
5	0120	Hành lá (hành hoa)	350	5,360	18,760
6	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,820	22,050
7	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	5,780	2,890
8	0645	Bánh phở khô	2,300	8,800	202,400
9	N0770	Thịt nạc dăm	1,800	18,380	330,840
10	0103	Củ cải trắng	600	2,730	16,380
11	0180	Su su	700	3,260	22,820
12	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
13	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
14	0098	Cải xanh	500	5,040	25,200
15	N0861	Dầu màu điều	70	42,900	30,030
16	N0799	Cá diêu hồng phi lê	5,400	22,890	1,236,060
17	0152	Rau đay	1,200	4,620	55,440
18	0136	Mướp	2,100	3,990	83,790
19	0407	Cua đồng	1,700	19,950	339,150
20	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	1,200	8,930	107,160
21	0038	Miến dong	2,300	5,390	123,970
22	N0965	Nấm kim châm	500	10,610	53,050
23	0089	Cà rốt	700	5,780	40,460
24	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	600	6,200	37,200
25	0172	Rau xà lách	400	5,460	21,840
26	N0772	Thịt ức gà	1,900	12,920	245,480
27	0457	Sữa bột toàn phần	5,602	19,500	1,092,390

28	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	4,512	14,750	665,520
Tổng cộng					5,179,995

Tổng tiền thực phẩm	5,179,995
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,179,996
Số dư đầu ngày	-4
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	10,397,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	10,396,999

Phó Hiệu Trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan